

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050567	Lâm Hoàng	Anh	21/01/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	2.0	0.3	Yếu
02	2455202050568	Lâm Quốc	Bảo	10/11/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2455202050569	Lý Gia	Bảo	14/11/2009	1.9	1.2	0.0	0.0	2.1	0.9	Yếu
04	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008	5.8	5.6	6.2	8.2	6.8	6.7	Trung bình
05	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009	5.2	5.2	5.6	6.7	5.3	5.8	Trung bình
06	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009	5.2	5.7	7.1	6.8	5.0	6.1	Trung bình
07	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009	5.8	5.9	6.6	7.0	6.1	6.4	Trung bình
08	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009	6.0	5.8	6.5	8.2	6.6	6.8	Trung bình
09	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009	5.7	5.8	6.0	7.0	6.1	6.2	Trung bình
10	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009	5.0	5.4	1.1	6.2	5.2	4.7	Yếu
11	2455202050577	Trần Trung	Hiền	26/07/2009	1.2	2.4	0.0	0.9	2.2	1.2	Yếu
12	2455202050578	Huỳnh Nguyễn Minh	Hiếu	22/10/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
13	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009	7.1	6.8	5.6	6.3	5.4	6.3	Trung bình
14	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009	6.7	6.8	5.8	6.0	5.0	6.1	Trung bình
15	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009	5.3	4.0	3.8	6.6	5.2	5.3	Trung bình
16	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009	5.3	5.6	6.2	6.1	5.9	5.8	Trung bình
17	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khuong	16/12/2009	5.7	6.0	5.6	5.6	5.0	5.6	Trung bình
18	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009	5.5	6.0	5.5	6.4	5.6	5.9	Trung bình
19	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009	6.7	6.4	5.9	7.0	6.5	6.6	Trung bình
20	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009	5.0	5.4	0.9	6.2	5.0	4.7	Yếu
21	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009	6.5	5.6	1.0	5.6	5.0	4.9	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009	6.6	5.5	0.9	6.1	5.8	5.1	Trung bình
23	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009	5.8	6.4	8.3	6.5	5.0	6.5	Trung bình
24	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009	6.3	5.2	5.1	6.6	5.0	5.9	Trung bình
25	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009	5.6	5.1	5.0	6.0	5.9	5.6	Trung bình
26	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009	5.3	6.0	5.0	6.2	5.0	5.6	Trung bình
27	2455202050593	As Sa Na	Quy	19/11/2008	5.5	6.4	6.2	5.9	6.2	6.0	Trung bình
28	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy	Tân	10/08/2009	5.0	5.7	5.7	5.9	6.2	5.7	Trung bình
29	2455202050595	Chau Quốc	Thái	07/04/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
30	2455202050596	Nguyễn Hoàng	Thiện	28/12/2009	5.4	6.6	7.1	6.2	6.8	6.3	Trung bình
31	2455202050597	Trương Võ Thanh	Thương	19/07/2009	7.5	6.9	9.0	5.7	6.2	7.0	Khá
32	2455202050598	Dương Minh	Triết	19/12/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
33	2455202050599	Đình Minh	Triết	10/12/2009	5.0	4.3	3.8	5.5	5.0	4.8	Yếu
34	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh	Tuấn	20/09/2008	6.4	5.6	3.8	5.7	5.5	5.5	Trung bình
35	2455202050601	Võ Anh	Vinh	22/09/2009	7.1	6.2	5.7	7.9	6.3	6.9	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 17 tháng 03 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái